



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ
TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015	15 - 49
8. Phụ lục	50 - 52

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005032, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	46.220.020.000	19,26
Các cổ đông khác	193.779.980.000	80,74
Cộng	240.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động :

Địa chỉ : 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8)38.641.885

Fax : (84-8)38.642.060

Website : www.tanimex.com.vn

Mã số thuế : 0301464904

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	475 D Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	64 – 66 Trần Phú, phường 5, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Long An	Ấp Lộc An, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục mầm non;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom và vận chuyển rác thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại (trừ phế liệu, phế thải) và thiết bị máy móc phục vụ cho ngành sản xuất bao bì và ngành in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị ngành in;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị, phụ liệu, phụ tùng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phương tiện giao thông vận tải. Bán buôn lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiêu hời. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu. Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng. Kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng. Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác). Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Lắp dựng khung kèo thép. San lấp mặt bằng. Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải. Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh). Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở,



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Duy tu nạo vét cống rãnh. Sản xuất và mua bán nước tinh khiết. Sản xuất suất ăn công nghiệp. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản. Đào tạo dạy nghề. Sửa chữa bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại. Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, rác, khí thải và các nhân tố gây ô nhiễm môi trường. Trồng rừng. Khai thác cát đen. Khai thác đất sét. Sản xuất gạch gó và nguyên vật liệu xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Tư vấn đấu thầu. Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Khai thác và xử lý nước ngầm. Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại. Kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Cho thuê cao ốc văn phòng. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá sàn giao dịch bất động sản. Quảng cáo. Kinh doanh bất động sản. Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình – Trụ sở chính được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 49).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/BBĐHĐCĐ-2015 ngày 23 tháng 01 năm 2015 như sau:

- Chia cổ tức (*)	48.000.000.000	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	3.205.969.142	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	3.205.969.142	VND
- Trích quỹ khen thưởng	3.205.969.142	VND
- Trích quỹ phúc lợi	1.923.581.485	VND
- Trích quỹ chính sách xã hội	2.564.775.313	VND
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	900.000.000	VND
- Thưởng vượt kế hoạch Ban điều hành (15% lợi nhuận vượt)	1.113.118.610	VND

(*) Trong đó cổ tức đã tạm ứng được ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm trước là 23.868.166.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	23 tháng 01 năm 2015	-
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	23 tháng 01 năm 2015	-
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	23 tháng 01 năm 2015	-
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên	23 tháng 01 năm 2015	-
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	23 tháng 01 năm 2015	-
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	23 tháng 01 năm 2015
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	23 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Phương	Trưởng ban	23 tháng 01 năm 2015	-
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	23 tháng 01 năm 2015	-
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	23 tháng 01 năm 2015	-
Bà Nguyễn Thị Minh Anh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	23 tháng 01 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	23 tháng 01 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quang Trường	Tổng Giám đốc	25 tháng 3 năm 2014	-
Ông La Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 3 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY
KHẨU
ĐẦU TƯ
NH
ĐỒ CHỈ

15-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VẤN
C
ĐỒ CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình – Trụ sở chính tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Quang Trường
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 28 tháng 5 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0604/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ
VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình – Trụ sở chính gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015, được lập ngày 20 tháng 4 năm 2015, từ trang 08 đến trang 49 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình thực hiện công tác soát xét chúng tôi nhận thấy có vấn đề sau:

Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình thuộc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình phát sinh doanh thu chủ yếu từ 3 hoạt động: cho thuê đất tại Khu công nghiệp, bán nền đất và bán chung cư. Từ năm 1998 đã bắt đầu phát sinh việc thu tiền thuê đất trong Khu công nghiệp trong khi chi phí về xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chưa phát sinh đầy đủ và tại thời điểm đó lại phát sinh các chi phí đền bù để di dời các hộ dân. Do vậy từ năm 2003 trở về trước Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình đã áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyên giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần và giá vốn tại thời điểm đó là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa các hộ dân. Từ năm 2003 trở đi, sau khi đã tập hợp các chi phí liên quan đến hoạt động thuê đất, chi phí liên quan đến hoạt động bán nền và bán căn hộ chung cư thì hàng năm Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình ghi nhận doanh thu, giá vốn theo kế hoạch và từng bước điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp của từng hoạt động theo số liệu ước tính của Công ty.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 Công ty đã điều chỉnh lại doanh thu và chi phí của các hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp, bán nền đất và bán căn hộ chung cư đã ghi nhận từ các năm trước đây theo nguyên tắc được trình bày tại thuyết minh IV.19. Tuy nhiên Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà hạch toán hết vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014. Bên cạnh đó, số liệu điều chỉnh được hạch toán một phần trong 6 tháng đầu năm và phần còn lại sẽ được hạch toán vào 6 tháng cuối năm. Nếu Công ty hạch toán điều chỉnh hồi tố đầy đủ theo đúng hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành thì lợi nhuận trước thuế trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 là 18.576.249.642 VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2014 là 89.173.758.829 VND.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Thu

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1182-2013-008-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		565.173.524.624	496.970.594.228
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	181.887.202.234	244.260.210.724
1. Tiền	111		65.767.109.742	87.440.390.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		116.120.092.492	156.819.819.968
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		94.839.093.212	62.886.468.274
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	94.839.093.212	62.886.468.274
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.098.198.385	28.436.925.113
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	33.012.004.592	23.715.801.634
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	51.552.205.987	210.299.945
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		378.049.493	340.445.666
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	4.814.350.784	4.627.803.811
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(658.412.471)	(457.425.943)
IV. Hàng tồn kho	140		196.826.005.341	156.612.642.551
1. Hàng tồn kho	141	V.7	196.826.005.341	156.612.642.551
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.523.025.452	4.774.347.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.062.585.859	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.23	-	3.926.132.037
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.460.439.593	848.215.529

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		465.811.089.518	464.659.064.197
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.005.939.482	38.269.883.201
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	34.880.931.240	40.156.803.600
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		500.000.000	500.000.000
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		43.555.373	31.626.732
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.11	(2.418.547.131)	(2.418.547.131)
II. Tài sản cố định	220		46.778.065.620	60.199.130.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	28.959.417.562	27.729.706.860
<i>Nguyên giá</i>	222		156.996.432.552	154.472.484.690
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(128.037.014.990)	(126.742.777.830)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	3.279.050.109	22.847.108.338
<i>Nguyên giá</i>	228		197.041.476.269	219.531.404.748
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(193.762.426.160)	(196.684.296.410)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	14.539.597.949	9.622.315.154
III. Bất động sản đầu tư	240	V.15	180.437.387.976	160.464.005.640
<i>Nguyên giá</i>	241		301.345.016.032	270.422.904.158
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(120.907.628.056)	(109.958.898.518)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.038.946.447	71.254.785.989
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	800.000.000	800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	53.910.930.232	59.732.048.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	18.165.717.115	15.165.717.115
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(2.837.700.900)	(4.442.979.126)
V. Tài sản dài hạn khác	260		135.550.749.993	134.471.259.015
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	135.300.749.993	134.216.259.015
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		250.000.000	255.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.030.984.614.142	961.629.658.425

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		491.019.878.931	411.279.728.095
I. Nợ ngắn hạn	310		187.331.233.501	219.729.681.313
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	14.923.900.000	43.930.001.100
2. Phải trả người bán	312	V.22	6.495.158.531	8.733.786.823
3. Người mua trả tiền trước	313		19.136.371	208.211
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	1.717.153.685	425.553.385
5. Phải trả người lao động	315		3.483.387.841	8.910.859.841
6. Chi phí phải trả	316	V.24	99.018.544.249	97.875.255.476
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	56.157.185.788	57.877.964.741
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	5.516.767.036	1.976.051.736
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		303.688.645.430	191.550.046.782
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	2.740.400.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		11.739.467	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	46.312.734.081	42.067.523.399
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	84.688.482.871	46.359.018.352
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.29	172.675.689.011	100.383.105.031
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		539.964.735.211	550.349.930.330
I. Vốn chủ sở hữu	410		539.964.735.211	550.349.930.330
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	92.948.707.864	92.948.707.864
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	102.500.106.163	99.294.137.021
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	28.584.270.953	25.378.301.811
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	75.931.650.231	92.728.783.634
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.030.984.614.142	961.629.658.425

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

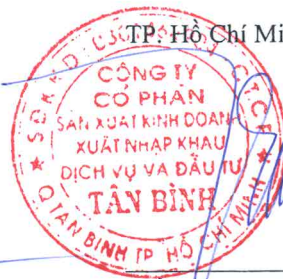
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		61.332,32	73.815,20
Euro (EUR)		15.249,00	15.249,00
Yên Nhật (¥)		75.436,00	75.436,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.992.573.309	103.235.261.731
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	112.521.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	80.992.573.309	103.122.740.188
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.623.312.279	39.516.411.683
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.369.261.030	63.606.328.505
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.497.872.461	12.817.093.378
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	210.042.436	6.467.717.592
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.663.410.500	4.128.287.885
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	14.664.744.595	21.346.836.345
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.429.698.761	8.745.514.185
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.562.647.699	39.863.353.761
11. Thu nhập khác	31	VI.7	991.405.958	238.574.691
12. Chi phí khác	32		1.453.361	1
13. Lợi nhuận khác	40		989.952.597	238.574.690
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.552.600.296	40.101.928.451
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	6.105.832.572	9.115.328.681
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	<u>23.446.767.724</u>	<u>30.986.599.770</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

03
C
C
XU
QUAT
D.V
TÂN
BÌNH
304
ÔN
NH
TOÁN
A
4-T

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		173.052.185.650	110.101.638.928
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(57.670.672.059)	(26.894.936.808)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.665.485.490)	(16.600.030.346)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.408.038.127)	(4.582.008.105)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.23	(1.741.083.106)	(8.347.052.130)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.157.621.816	36.767.556.138
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(84.532.447.795)	(73.895.282.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.192.080.889	16.549.884.970
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(51.448.733.545)	(16.094.973.666)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.121.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(137.700.000.000)	(1.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		98.779.300.000	190.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.17;V.18	(8.710.000.000)	(10.130.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		12.985.150.000	3.719.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.900.336.130	8.753.822.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(78.193.947.415)	(5.040.151.081)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.28	64.681.749.510	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21; V.28	(55.358.386.091)	(42.247.394.745)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(23.659.374.650)	(23.035.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.336.011.231)	(65.283.154.745)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(62.337.877.757)	(53.773.420.856)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	244.260.210.724	221.734.867.367
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(35.130.733)	7.248.747
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	181.887.202.234	167.968.695.258

CÔNG TY
 SẢN XUẤT
 VÀ DỊCH VỤ
 TÂN BÌNH
 TP. HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY
 SẢN XUẤT
 VÀ DỊCH VỤ
 TÂN BÌNH
 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, kinh doanh bất động sản, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua bán hàng hoá.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, cán bộ công nhân viên Công ty là 170 nhân viên (cuối năm trước là 206 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính trụ sở chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính trụ sở chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 31
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 07

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	08 – 30
Quyền sử dụng đất	46 – 50
Cơ sở hạ tầng	10 – 15

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng và kinh phí đền bù

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
San lấp mặt bằng	05 – 49
Kinh phí đền bù	05 – 48

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí hạ tầng khu mở rộng và các tài sản khác

Chi phí hạ tầng khu mở rộng bao gồm các chi phí đền bù, san lấp mặt bằng. Chi phí hạ tầng khu mở rộng và các tài sản khác được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và Quyết định Đại hội đồng thường niên như sau:

	Mục đích	Mức trích lập hàng năm
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban quản lý điều hành	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trong đó bao gồm thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/3/2015	: 21.510 VND/USD
		23.034 VND/EUR
		176,76 VND/JPY
30/9/2014	: 21.195 VND/USD	
		26.681 VND/EUR
		192,97 VND/JPY

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê đất

Tại khu công nghiệp hiện hữu

Từ năm 2003 trở về trước, doanh thu được ghi nhận một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần. Giá vốn tương ứng là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải toả của các hộ dân.

Từ năm 2003 đến trước năm 2009, doanh thu ghi nhận theo kế hoạch. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Từ năm 2009 trở đi, doanh thu được ghi nhận dựa vào số thực thu theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất” và đã điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 trở về trước theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm này và phân bổ đều cho 04 quý. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê cũng được phân bổ đều cho 04 quý. Trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Tại khu công nghiệp mở rộng

Hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp mở rộng phát sinh từ năm 2010. Doanh thu được ghi nhận dựa trên cơ sở phân bổ giá trị thuê đất trên hợp đồng cho thuê theo số phân kỳ thu. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Đến năm 2012, chi phí đền bù được khấu hao theo thời gian thuê đất trên hợp đồng thuê.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu hàng năm dựa trên thời gian thuê đất trên hợp đồng thuê và đã điều chỉnh lại doanh thu và giá vốn của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014. Trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Đối với đất xây dựng kho xưởng cho thuê, doanh thu ghi nhận phù hợp với hợp đồng cho thuê. Giá vốn bao gồm: tài sản trên đất được phân bổ theo phương án 05 – 07 năm.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Tại khu công nghiệp hiện hữu

Từ năm 2003 trở về trước, doanh thu được ghi nhận một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên mua và thanh toán tiền một lần. Giá vốn tương ứng là các chi phí liên quan đến việc đền bù thực tế phát sinh.

Từ năm 2003 trở đi, đối với các hợp đồng bán nền đất phát sinh trước năm 2010, doanh thu bán nền đất được ghi nhận sau khi chuyển giao quyền sở hữu trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng. Giá vốn tương ứng được phân bổ theo doanh thu kế hoạch với tỷ lệ giữa số dư chi phí sản xuất dở dang so với số dư doanh thu nhận trước và tiền ký quỹ mua đất tại đầu năm tài chính.

Đối với các hợp đồng bán nền đất phát sinh từ năm 2010 trở đi, doanh thu nền đất chưa được ghi nhận mặc dù đã có biên bản bàn giao đất cho khách hàng. Toàn bộ vẫn đang theo dõi trên doanh thu nhận trước.

350
CỔ
CỔ
XJÁ
JATM
H VI
TÀI
TINH

300
CỔ
CH NH
TOÁ
A
VH-7

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyên giao lô đất” và đã điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 trở về trước theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm này và phân bổ đều cho 04 quý. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê cũng được phân bổ đều cho 04 quý. Trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Tại khu công nghiệp mở rộng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

363
VG 1
HÁ
NINH
API
VAI
BỈ
PH

1498
VG 1
HỆM H
N VÀ T
& C
PHC

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản nợ phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.121.792.407	5.843.075.954
Tiền gửi ngân hàng ⁽ⁱ⁾	59.645.317.335	81.597.314.802
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	116.120.092.492	156.819.819.968
Cộng	<u>181.887.202.234</u>	<u>244.260.210.724</u>

(i) Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng để chờ đền bù tái định cư là 46.995.851.190 VND.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm.

Trong đó một chứng chỉ tiền gửi 12 tháng trị giá 6.862.393.212 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	25.854.954.363	16.973.787.027
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	6.642.300.907	5.867.867.812
Ban quản lý hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	514.749.322	874.146.795
Cộng	<u>33.012.004.592</u>	<u>23.715.801.634</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	77.750.000	85.823.225
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	51.474.455.987	124.476.720
Cộng	<u>51.552.205.987</u>	<u>210.299.945</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cho mượn	-	90.000.000
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	1.697.015.120	2.577.979.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản	2.050.404.185	1.324.030.984
Phải thu lãi kích cầu	361.943.643	-
Các khoản phải thu khác	704.987.836	635.793.167
Cộng	<u>4.814.350.784</u>	<u>4.627.803.811</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	658.412.471	457.425.943
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	168.471.658	48.772.305
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	86.316.789	5.029.614
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	403.624.024	403.624.024
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>658.412.471</u>	<u>457.425.943</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	457.425.943	-
Trích lập dự phòng bổ sung	200.986.528	-
Số cuối kỳ	<u>658.412.471</u>	<u>-</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	709.877.274
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	189.715.702.550	155.866.662.486
Hàng hóa bất động sản	7.110.302.791	36.102.791
Cộng	<u>196.826.005.341</u>	<u>156.612.642.551</u>

(*) Chi phí đầu tư chung cư Tanibuilding Sơn Kỳ 1 có giá trị theo sổ sách là 83.307.490.023 VND đơn vị đã cam kết thế chấp tài sản hình thành trong tương lai để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí sửa chữa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	709.522.750	150.371.500
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	750.916.843	697.844.029
Cộng	<u>1.460.439.593</u>	<u>848.215.529</u>

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	28.731.470.131	29.564.803.131
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Tân Bình	6.149.461.109	10.592.000.469
Cộng	<u>34.880.931.240</u>	<u>40.156.803.600</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	2.218.547.131	2.218.547.131
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	2.218.547.131	2.218.547.131
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	200.000.000	200.000.000
Cộng	2.418.547.131	2.418.547.131

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm trang 50.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	San lấp mặt bằng	Kinh phí đền bù	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.091.536.016	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	219.531.404.748
Thanh lý, nhượng bán	(22.489.928.479)	-	-	-	(22.489.928.479)
Số cuối kỳ	3.601.607.537	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	197.041.476.269
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	193.439.868.732
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.244.427.678	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	196.684.296.410
Khấu hao trong kỳ	1.820.454	-	-	-	1.820.454
Thanh lý, nhượng bán	(2.923.690.704)	-	-	-	(2.923.690.704)
Số cuối kỳ	322.557.428	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	193.762.426.160
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	22.847.108.338	-	-	-	22.847.108.338
Số cuối kỳ	3.279.050.109	-	-	-	3.279.050.109
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm trang 51.

CS
 CC
 CC
 XUA
 QUAT
 TH VI
 TAI
 BINH
 0449
 ONG
 NHIEM
 DAN VI
 i &
 /-T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.265.500.000	254.157.404.158	270.422.904.158
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	30.922.111.874	30.922.111.874
Số cuối kỳ	16.265.500.000	285.079.516.032	301.345.016.032
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.545.222.500	108.413.676.018	109.958.898.518
Khấu hao trong kỳ	162.655.002	10.786.074.536	10.948.729.538
Số cuối kỳ	1.707.877.502	119.199.750.554	120.907.628.056
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.720.277.500	145.743.728.140	160.464.005.640
Số cuối kỳ	14.557.622.498	165.879.765.478	180.437.387.976

Tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý (giá trị thị trường) của các bất động sản đầu tư trên.

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 59.986.917.806 VND và 55.572.727.350 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình.

16. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400910908 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng 800.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình ^(a)	600.000	5.720.930.232	919.125	8.763.750.000
Công ty cổ phần kính Tân Bình ^(b)	290.000	2.900.000.000	290.000	2.900.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát ^(c)	990.000	9.900.000.000	1.470.000	14.700.000.000
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) ^(d)	1.500.000	18.420.000.000	1.800.350	22.108.298.000
Công ty cổ phần giấy G.P ^(e)	1.247.000	12.470.000.000	726.000	7.260.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị ^(f)	450.000	4.500.000.000	400.000	4.000.000.000
Cộng		53.910.930.232		59.732.048.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592598 thay đổi lần thứ 09, ngày 16 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình 8.763.750.000 VND tương đương 45,96% vốn điều lệ. Trong 6 tháng đầu năm nay, Công ty đã thoái vốn với số lượng giảm 319.125 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình 5.720.930.232 VND tương đương 30% vốn điều lệ.
- (b) Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần kính Tân Bình 2.900.000.000 VND tương đương 25,48% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty cổ phần kính Tân Bình đang tiến hành thủ tục giải thể.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311640972 thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát 14.700.000.000 VND tương đương 44,55% vốn điều lệ. Trong 6 tháng đầu năm nay, Công ty đã thoái vốn với số lượng giảm 480.000 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần Minh Phát 9.900.000.000 VND tương đương 30% vốn điều lệ.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304563607 thay đổi lần thứ 16 ngày 03 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice) 22.108.298.000 VND, tương đương 36,01% vốn điều lệ. Trong 6 tháng đầu năm nay, Công ty đã thoái vốn với số lượng giảm 300.350 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất - dịch vụ Tân Bình 18.420.000.000 VND tương đương 30% vốn điều lệ.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702245743 ngày 03 tháng 01 năm 2014 và thay đổi lần thứ 03 ngày 06 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần giấy G.P 43.000.000.000 VND tương đương 43% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty đã đầu tư với số tiền là 12.470.000.000 VND theo kế hoạch góp vốn đợt 01 và đợt 02. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 30.530.000.000 VND.
- (f) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312910290 ngày 29 tháng 8 năm 2014 và thay đổi lần thứ 02 ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giá trị 4.500.000.000 VND tương đương 30% vốn điều lệ.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	05	15.189	05	15.189
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương	568.521	4.669.841.614	568.521	4.669.841.614
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	03	60.312	03	60.312
Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ	120.000	8.020.000.000	120.000	8.020.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức ^(a)	-	3.000.000.000	-	-
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics ^(b)	-	2.371.500.000	-	2.371.500.000
Công ty cổ phần Tân Bình ^(c)	-	104.300.000	-	104.300.000
Cộng		18.165.717.115		15.165.717.115

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303822792 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức 3.000.000.000 VND tương đương 16,67% vốn điều lệ.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 412022000355 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2011 do Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics 2.371.500.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 509/BKHĐT-ĐTRNN ngày 02 tháng 3 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần Tân Bình 104.300.000 VND.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	-	1.542.979.126
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương</i>	-	1.542.976.114
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)</i>	-	3.012
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	2.837.700.900	2.900.000.000
<i>Công ty cổ phần kinh Tân Bình</i>	2.837.700.900	2.900.000.000
Cộng	2.837.700.900	4.442.979.126

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.442.979.126	18.541.203.564
Trích lập dự phòng bổ sung	-	581.377.910
Giảm do thanh lý các khoản đầu tư	-	(14.486.189.480)
Hoàn nhập dự phòng	(1.605.278.226)	(284.267.100)
Số cuối kỳ	2.837.700.900	4.325.124.894

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí mở bán căn hộ chung cư Sơn Kỳ 1	342.368.999	3.231.923.876	-	3.574.292.875
Chi phí hạ tầng khu mở rộng	133.873.890.016	-	(2.147.432.898)	131.726.457.118
Cộng	134.216.259.015	3.231.923.876	(2.147.432.898)	135.300.749.993

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	27.991.301.100
Vay dài hạn đến hạn trả	14.923.900.000	15.938.700.000
Cộng	14.923.900.000	43.930.001.100

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của toàn Công ty	29.559.916.003	40.030.204.647
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	667.088.415	788.204.822
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.473.220.000)	(1.659.259.200)
Tổng thu nhập chịu thuế	27.753.784.418	39.159.150.269
- Thu nhập chịu thuế từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (thuế suất 25%)	-	16.677.187.392
- Thu nhập chịu thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 (thuế suất 22%)	-	22.481.962.877
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.105.832.572	9.115.328.681

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	23.668.017.610	23.668.017.610
Chi phí khác	75.350.526.639	74.207.237.866
Cộng	99.018.544.249	97.875.255.476

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và Kinh phí công đoàn	60.003.600	37.800.040
Cổ tức phải trả	762.828.300	517.260.300
Tiền đặt cọc mua chung cư Sơn Kỳ	1.196.593.764	3.347.025.261
Chi phí thuê đất Thoại Ngọc Hầu	-	1.741.580.512
Phí bảo trì chung cư	30.196.999	2.268.030.105
Tiền đền bù tái định cư	46.995.851.190	46.084.764.581
Phí duy tu hạ tầng	2.766.896.544	229.048.122
Các khoản phải trả khác	4.344.815.391	3.652.455.820
Cộng	56.157.185.788	57.877.964.741

004
 CỘ
 HNH
 TỐ
 A
 VH-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập quỹ trong kỳ	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.622.078.624	4.319.087.752	-	(1.662.632.000)	4.278.534.376
Quỹ phúc lợi	725.929.794	4.488.356.798	933.704.000	(5.349.801.250)	798.189.342
Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	(371.956.682)	900.000.000	-	(88.000.000)	440.043.318
Cộng	1.976.051.736	9.707.444.550	933.704.000	(7.100.433.250)	5.516.767.036

27. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	46.115.951.358	41.923.805.938
Phải trả dài hạn khác	196.782.723	143.717.461
Cộng	46.312.734.081	42.067.523.399

28. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	30.937.142.361	41.285.018.352
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 12 ⁽ⁱⁱ⁾	5.074.000.000	5.074.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	48.677.340.510	-
Cộng	84.688.482.871	46.359.018.352

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại cụm 1, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 36/GPXD, 37/GPXD, 38/GPXD, 39/GPXD do Ban quản lý các Khu chế xuất, Khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 6 năm 2013.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Tân Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy xử lý nước thải – giai đoạn 02”.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng chung cư Sơn Kỳ 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị Quyền sử dụng đất 6.617,7 m² thửa 12,26,28,126 tại Phường Sơn Kỳ và tài sản hình thành trong tương lai.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	14.923.900.000	15.938.700.000
Trên 01 năm đến 05 năm	77.441.408.519	39.111.944.000
Trên 05 năm	7.247.074.352	7.247.074.352
Tổng nợ	99.612.382.871	62.297.718.352

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	46.359.018.352	62.946.415.765
Số tiền vay trong kỳ	64.681.749.510	-
Số tiền vay trả trong kỳ	(26.352.284.991)	(20.000.000.000)
Số cuối kỳ	84.688.482.871	42.946.415.765

29. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	111.374.513.441	91.826.038.489
Tiền chung cư	60.036.593.752	8.418.466.542
Tiền nền đất	1.264.581.818	138.600.000
Cộng	172.675.689.011	100.383.105.031

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 03 đính kèm trang 52.

Cổ tức

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	-	23.098.374.000
Tạm ứng cổ tức	23.659.374.650	-
Cộng	23.659.374.650	23.098.374.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Y
N
SCAP
HAU
AU
VH
CH

5-CTA
FY
UHAN
TU VAN
C
O CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	80.992.573.309	103.235.261.731
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	466.409.728	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	52.999.624.186	50.639.083.463
<i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	27.526.539.395	52.596.178.268
Các khoản giảm trừ doanh thu (hàng bán bị trả lại)	-	(112.521.543)
Doanh thu thuần	80.992.573.309	103.122.740.188
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	466.409.728	-
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	52.999.624.186	50.639.083.463
<i>Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản</i>	27.526.539.395	52.483.656.725

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	565.949.090	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.220.779.720	(8.230.669.451)
Giá vốn kinh doanh bất động sản	23.836.583.469	47.747.081.134
Cộng	38.623.312.279	39.516.411.683

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.847.474.216	5.114.788.549
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	47.514.529	57.828.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.473.220.000	1.659.259.200
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.696.929	9.225.419
Lãi chuyển nhượng vốn góp	665.032.232	47.500.000
Lãi bán hàng trả chậm	2.442.934.555	4.528.491.295
Lãi hợp tác kinh doanh	-	1.400.000.000
Cộng	10.497.872.461	12.817.093.378

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng	1.663.410.500	4.119.629.218
Lãi vay huy động vốn	-	8.658.667
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	120.527.662	389.390.355
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.856.672
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.605.278.226)	297.110.810
Lỗi do thanh lý khoản đầu tư sau khi trừ dự phòng	-	1.641.810.520
Chi phí tài chính khác	31.382.500	7.261.350
Cộng	210.042.436	6.467.717.592

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.945.612.201	2.821.779.396
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	187.812.163	407.781.734
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.249.677.441	9.443.468.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.879.008.521	4.651.709.145
Chi phí khác	6.402.634.269	4.022.097.357
Cộng	14.664.744.595	21.346.836.345

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.217.202.572	5.955.741.676
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.568.525	184.698.864
Chi phí khấu hao TSCĐ	507.966.927	1.169.895.186
Thuế, phí và lệ phí	278.090.158	330.539.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	769.476.385	207.590.638
Chi phí khác	1.592.394.194	897.048.736
Cộng	9.429.698.761	8.745.514.185

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	88.181.818	-
Hoàn nhập tiền thuê đất	895.422.660	-
Thu nhập khác	7.801.480	238.574.691
Cộng	991.405.958	238.574.691

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính trụ sở chính và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.399.275.000	2.101.650.000
Khác	192.000.000	22.340.000
Cộng	2.591.275.000	2.123.990.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) (*)	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) (*)	Công ty con
Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng	Công ty con
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn (*)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị	Công ty liên kết
Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú (*)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần giấy G.P	Công ty liên kết

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 các Công ty này không còn là bên liên quan của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)		
Thu tiền nợ cho vay	-	100.000.000
Cho vay	-	1.600.000.000
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)		
Tiền thuê mặt bằng	-	103.770.000
Tiền điện	-	18.473.600
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)		
Thuê kho xưởng	-	429.270.180
Mua nhiên liệu, dịch vụ cây xanh, ăn uống và các dịch vụ khác	796.172.465	-
Thuê đất	-	1.629.180.565
Phí quản lý tòa nhà 108 Tây Thạnh	-	726.685.343
Cho thuê văn phòng	387.288.404	-
Cho thuê trạm cấp nước	36.000.000	-
Tiền điện	89.507.208	85.416.287
Xử lý nước thải	34.331.170	29.693.086
Cho thuê kho xưởng	18.181.818	109.090.908
Cổ tức nhận được	1.260.245.000	-
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)		
Mua tài sản cố định và xây dựng các công trình	51.447.108.414	16.236.468.714
Thuê đất	-	281.904.762
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	-	114.706.364
Cho thuê mặt bằng	176.543.280	-
Tiền điện	94.761.016	-
Bán hàng hóa	302.198.364	-
Cổ tức nhận được	551.475.000	-
Tạm ứng thi công công trình Chung cư Sơn Kỳ 1	48.677.340.510	-
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Tiền điện phải thu	-	5.525.130
Công ty cổ phần kính Tân Bình		
Xử lý nước thải	-	13.844.592

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát		
Cho thuê kho xưởng	102.679.499	125.307.000
Phí uỷ thác và chênh lệch giá sàn	1.686.981.729	1.099.400.864
Phí lập dự án kho xưởng	-	-
Tiền điện	20.353.944	19.201.344
Phí tư vấn	-	175.000.000
Cổ tức nhận được	661.500.000	-
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	21.000.000.000	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)		
Tiền điện phải thu	-	8.064.320
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)		
Tiền điện phải thu	17.703.189	15.681.292
Tiền thuê mặt bằng phải thu	6.600.000	-
Tiền thuê đất phải thu	4.491.454.695	6.213.054.128
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)		
Phải thu tiền máy móc thiết bị	400.000.000	1.900.000.000
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)		
Ứng trước tiền thi công công trình	40.048.537.365	-
Tiền bán gạch, đinh phải thu	-	332.113.000
Tiền điện phải thu	8.467.818	25.806.748
Tiền thuê đất phải thu	1.197.951.914	1.493.951.914
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát		
Tiền điện phải thu	3.655.282	3.783.340
Tiền lúa mỳ phải thu do thanh toán dư	-	24.823.225
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị		
Phải thu tiền bán dây chuyền máy cường lực kính	4.400.000.000	4.400.000.000
Phải thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	19.029.376.223	-
Cộng nợ phải thu	69.603.746.486	14.417.277.967

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình		
Tanimex (Taniservice)		
Phải trả phí quản lý chung cư	90.000	26.309.444
Phí dịch vụ phải trả	53.832.364	56.088.162
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Phải trả tiền giữ hộ	28.433.333	50.000.000
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình		
Tanimex (Tanicons)		
Phải trả tiền xây dựng công trình	193.527.725	5.691.474.317
Phải trả chi phí sửa chữa	-	199.737.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát		
Phải trả phí ủy thác kho xưởng	582.675.083	463.522.706
Cộng nợ phải trả	858.558.505	6.487.131.629

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: bán hàng hóa (Nguyên liệu đất sét, lúa mỳ).
- Lĩnh vực 02: cung cấp dịch vụ (Cho thuê đất và kho xưởng).
- Lĩnh vực 03: kinh doanh bất động sản (Chuyển nhượng nền đất và chung cư).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	466.409.728	52.999.624.186	27.526.539.395	80.992.573.309
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	466.409.728	52.999.624.186	27.526.539.395	80.992.573.309

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(99.539.362)	38.778.844.466	3.689.955.926	42.369.261.030
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(24.094.443.356)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				18.274.817.674
Doanh thu hoạt động tài chính				10.497.872.461
Chi phí tài chính				(210.042.436)
Thu nhập khác				991.405.958
Chi phí khác				(1.453.361)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.105.832.572)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				23.446.767.724
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	28.505.600.809	14.675.869.636	43.181.470.445
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	10.557.745.508	5.435.566.777	15.993.312.285
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	132.678.245	68.308.283	200.986.528
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	50.639.083.463	52.483.656.725	103.122.740.188
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	50.639.083.463	52.483.656.725	103.122.740.188

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	58.869.752.914	4.736.575.591	63.606.328.505
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(30.092.350.530)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				33.513.977.975
Doanh thu hoạt động tài chính				12.817.093.378
Chi phí tài chính				(6.467.717.592)
Thu nhập khác				238.574.691
Chi phí khác				(1)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(9.115.328.681)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				30.986.599.770
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	-	10.582.433.946	10.967.908.433	21.550.342.379
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	-	7.278.018.309	7.543.126.542	14.821.144.851
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	180.937.387.976	163.016.348.249	343.953.736.225
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	344.526.340.010	177.376.498.248	521.902.838.258
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				165.128.039.659
Tổng tài sản				1.030.984.614.142
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	135.490.964.229	71.233.187.516	206.724.151.745
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				6.279.595.336
Tổng nợ phải trả				491.019.878.931
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	160.464.005.640	160.464.005.640
Tài sản phân bổ cho bộ phận	73.385.976.726	298.095.634.770	295.287.787.026	666.769.398.522
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				134.396.254.263
Tổng tài sản				961.629.658.425
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	43.930.001.100	-	-	43.930.001.100
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	40.213.759.192	163.349.274.721	161.810.641.346	365.373.675.259
Tổng nợ phải trả				411.279.728.095

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	64.403.468.735	59.850.067.790
Trên 01 năm đến 05 năm	118.064.022.281	88.664.920.810
Trên 05 năm	41.399.499.921	8.705.466.667
Cộng	223.866.990.937	157.220.455.267

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 44.331.722.033 VND (cùng kỳ năm trước là 33.285.529.844 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.887.202.234	-	-	-	181.887.202.234
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	94.839.093.212	-	-	-	94.839.093.212
Phải thu khách hàng	64.363.577.179	-	-	3.529.358.653	67.892.935.832
Các khoản phải thu khác	3.564.863.442	-	-	200.000.000	3.764.863.442
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	18.165.717.115	-	-	-	18.165.717.115
Cộng	362.820.453.182	-	-	3.729.358.653	366.549.811.835

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	244.260.210.724	-	-	-	244.260.210.724
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	62.886.468.274	-	-	-	62.886.468.274
Phải thu khách hàng	60.839.711.684	-	-	3.032.893.550	63.872.605.234
Các khoản phải thu khác	4.056.616.856	-	-	200.000.000	4.256.616.856
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.495.815.189	-	-	4.669.901.926	15.165.717.115
Cộng	382.538.822.727	-	-	7.902.795.476	390.441.618.203

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	14.923.900.000	77.441.408.519	7.247.074.352	99.612.382.871
Phải trả người bán	6.495.158.531	-	-	6.495.158.531
Các khoản phải trả khác	108.119.875.247	46.312.734.081	-	154.432.609.328
Cộng	129.538.933.778	123.754.142.600	7.247.074.352	260.540.150.730
Số đầu năm				
Vay và nợ	43.930.001.100	39.111.944.000	7.247.074.352	90.289.019.452
Phải trả người bán	8.733.786.823	2.740.400.000	-	11.474.186.823
Các khoản phải trả khác	109.630.655.596	42.067.523.399	-	151.698.178.995
Cộng	162.294.443.519	83.919.867.399	7.247.074.352	253.461.385.270

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 và ngày 30 tháng 9 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	EUR	JPY	USD	EUR	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.332,32	15.249,00	75.436,00	73.815,20	15.249,00	75.436,00
Phải trả người bán	(130.000,00)	-	-	(130.000,00)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(68.667,68)	15.249,00	75.436,00	(56.184,80)	15.249,00	75.436,00

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động như trên của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/(nợ phải trả) thuần gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Các khoản tương đương tiền	116.120.092.492	156.819.819.968
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	94.839.093.212	62.886.468.274
Vay và nợ	(99.612.382.871)	(90.289.019.452)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	111.346.802.833	129.417.268.790

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 2.226.936.057 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 2.018.909.393 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp số dư tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng này. Giá trị số sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 là 6.862.393.212 VND (số đầu năm là 6.386.468.274 VND)..

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 và tại ngày 30 tháng 9 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.887.202.234	-	244.260.210.724	-	181.887.202.234	244.260.210.724
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	94.839.093.212	-	62.886.468.274	-	94.839.093.212	62.886.468.274
Phải thu khách hàng	67.892.935.832	(2.876.959.602)	63.872.605.234	(2.675.973.074)	65.015.976.230	61.196.632.160
Các khoản phải thu khác	3.764.863.442	(200.000.000)	4.256.616.856	(200.000.000)	3.564.863.442	4.056.616.856
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	18.165.717.115	-	15.165.717.115	(1.542.979.126)	18.165.717.115	13.622.737.989
Cộng	366.549.811.835	(3.076.959.602)	390.441.618.203	(4.418.952.200)	363.472.852.233	386.022.666.003

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	99.612.382.871	90.289.019.452	99.612.382.871	90.289.019.452
Phải trả người bán	6.495.158.531	11.474.186.823	6.495.158.531	11.474.186.823
Các khoản phải trả khác	154.432.609.328	151.698.178.995	154.432.609.328	151.698.178.995
Cộng	260.540.150.730	253.461.385.270	260.540.150.730	253.461.385.270

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
 HỒ CHÍ MINH
 4498
 NG 1
 HIỆM H
 AN VÀ
 & I
 T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

15-01
Y
Ữ HẠN
TƯ VẤN
C
Ồ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	34.590.270.730	316.771.353	14.593.379.067	1.238.719.812	2.833.488.006	100.899.855.722	154.472.484.690
Mua sắm mới	-	61.806.000	4.048.345.900	-	-	-	4.110.151.900
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	14.888.197	14.888.197
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.601.092.235)	-	-	-	(1.601.092.235)
Số cuối kỳ	34.590.270.730	378.577.353	17.040.632.732	1.238.719.812	2.833.488.006	100.914.743.919	156.996.432.552
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.497.245.647	46.821.045	3.093.190.625	1.050.756.432	2.790.942.551	85.225.766.891	104.704.723.191
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	18.637.234.090	91.812.763	7.438.175.430	1.158.100.887	2.815.254.245	96.602.200.415	126.742.777.830
Khấu hao trong kỳ	925.482.660	25.929.526	763.953.018	40.458.710	3.038.964	1.136.466.517	2.895.329.395
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.601.092.235)	-	-	-	(1.601.092.235)
Số cuối kỳ	19.562.716.750	117.742.289	6.601.036.213	1.198.559.597	2.818.293.209	97.738.666.932	128.037.014.990
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	15.953.036.640	224.958.590	7.155.203.637	80.618.925	18.233.761	4.297.655.307	27.729.706.860
Số cuối kỳ	15.027.553.980	260.835.064	10.439.596.519	40.160.215	15.194.797	3.176.076.987,00	28.959.417.562
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.004.160.722 VND và 13.506.899.090 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 12.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ, BĐS đầu tư trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí xây dựng cơ bản tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng				
Khu công nghiệp Tân Bình	9.597.196.154	35.809.394.669	(30.922.111.874)	14.484.478.949
<i>Công trình Khu công nghiệp mở rộng</i>	<i>589.122.020</i>	<i>73.387.300</i>	-	<i>662.509.320</i>
<i>Công trình kho xưởng</i>	<i>6.320.841.481</i>	<i>35.724.643.733</i>	<i>(30.922.111.874)</i>	<i>11.123.373.340</i>
<i>Công trình nhà ở cho người lao động</i>	<i>2.687.232.653</i>	<i>11.363.636</i>	-	<i>2.698.596.289</i>
Ban quản lý hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	25.119.000	-	-	25.119.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	30.000.000	-	30.000.000
Cộng	9.622.315.154	35.839.394.669	(30.922.111.874)	14.539.597.949



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015

Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	240.000.000.000	90.352.860.000	(16.016.112.446)	96.127.489.407	22.211.654.197	90.899.640.501	523.575.531.659
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	64.119.382.834	64.119.382.834
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(23.215.786.000)	(23.215.786.000)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(23.868.166.000)	(23.868.166.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.166.647.614	3.166.647.614	(15.206.287.701)	(8.872.992.473)
Tăng do bán cổ phiếu quỹ	-	2.595.847.864	-	-	-	-	2.595.847.864
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	16.016.112.446	-	-	-	16.016.112.446
Số dư cuối năm trước	240.000.000.000	92.948.707.864	-	99.294.137.021	25.378.301.811	92.728.783.634	550.349.930.330
Số dư đầu năm nay	240.000.000.000	92.948.707.864	-	99.294.137.021	25.378.301.811	92.728.783.634	550.349.930.330
Lợi nhuận trong kỳ của Trụ sở chính	-	-	-	-	-	23.446.767.724	23.446.767.724
Lợi nhuận của các Chi nhánh	-	-	-	-	-	7.315.707	7.315.707
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(24.131.834.000)	(24.131.834.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	3.205.969.142	3.205.969.142	(16.119.382.834)	(9.707.444.550)
Số dư cuối kỳ	240.000.000.000	92.948.707.864	-	102.500.106.163	28.584.270.953	75.931.650.231	539.964.735.211

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc